



# KHÓA CHUYÊN ĐỀ LIVE VIP 2K4|TYHH

## LIVE 27: LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM PEPTIT (VIP)

(Slidenote dành riêng cho lớp VIP)

### KHÁI NIỆM, CẤU TẠO, PHÂN LOẠI

**Câu 1:** Phát biểu nào sau đây là sai

- A. Oligopeptit gồm các peptit có từ 2 đến 10 gốc  $\alpha$ -amino axit.
- B. Liên kết của nhóm  $-\text{CO}-$  với nhóm  $-\text{NH}-$  giữa 2 đơn vị  $\alpha$ -amino axit được gọi là liên kết peptit.
- C. Peptit là những hợp chất chứa từ 2 đến 50 gốc  $\alpha$ -amino axit liên kết với nhau bằng các liên kết peptit.
- D. Polipeptit gồm các peptit có từ 10 đến 50 gốc  $\alpha$ -amino axit.

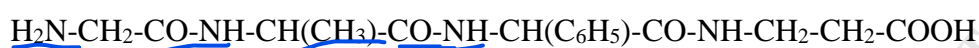
**Câu 2:** Tripeptit là hợp chất

- A. có 3 liên kết peptit mà phân tử có 2 gốc  $\beta$ -amino axit.
- B. có 2 liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc  $\alpha$ -amino axit.
- C. có 3 liên kết peptit mà phân tử có 2 gốc  $\alpha$ -amino axit.
- D. có 2 liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc  $\beta$ -amino axit.

**Câu 3:** Hợp chất nào sau đây thuộc loại dipeptit?

- A.  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CONHCH}_2\text{CONHCH}_2\text{COOH}$ .
- B.  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{CONHCH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ .
- C.  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CONHCH}(\text{CH}_3)\text{COOH}$ .
- D.  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{CONHCH}_2\text{COOH}$ .

**Câu 4:** Trong hợp chất sau đây có mấy liên kết peptit



- A. 2.
- B. 1.
- C. 3.
- D. 4.

**Câu 5:** Phát biểu nào dưới đây là đúng

- A. Protein là những polipeptit cao phân tử (phân tử khối từ vài chục đến vài chục nghìn đvC ).
- B. Protein là những hợp chất chứa từ 2 đến 50 gốc  $\alpha$ -amino axit liên kết với nhau bằng các liên kết peptit.
- C. Protein đơn giản là những protein được tạo thành từ các gốc  $\alpha$  và  $\beta$  – amino axit.
- D. Protein phức tạp là những protein được tạo thành từ protein đơn giản với phần “phi protein” như lipid, glucit, axit nucleic...

**ĐỒNG PHÂN – DANH PHÁP**

**Câu 6:** Số tripeptit mạch hở khi thủy phân hoàn toàn thu được ba loại  $\alpha$ -amino axit: Gly, Ala, Val là

- A. 2.                      B. 6.                      C. 4.                      D. 3.

**Câu 7:** Tổng số phân tử dipeptit, tripeptit tối đa thu được từ hỗn hợp gồm 2 amino axit là Gly và Ala

- A. 6.                      B. 8.                      C. 12.                      D. 14.

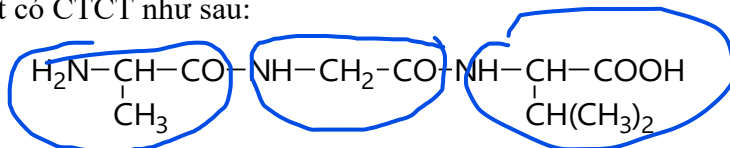
**Câu 8:** Có thể tạo ra bao nhiêu phân tử tripeptit chứa hai amino axit là Glyxin và Alanin

- A. 6.                      B. 8.                      C. 4.                      D. 2.

**Câu 9:** Chất X có công thức cấu tạo:  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CONHCH}(\text{CH}_3)\text{CONHCH}_2\text{COOH}$ . Tên gọi của X là

- A. Glyxinalaninylin.  
 B. Glyxylalanylglyxin.  
 C. Alaninylglyxinalanin.  
 D. Alanylglyxylalanin.

**Câu 10:** Peptit có CTCT như sau:



Tên gọi đúng của peptit trên là

- A. Ala-Ala-Val.      B. Gly-Val-Ala.      C. Gly-Ala-Gly.      D. Ala-Gly-Val.

### TÍNH CHẤT LÝ HÓA

**Câu 11:** Công thức phân tử của peptit mạch hở có 4 liên kết peptit được tạo thành từ  $\alpha$ -amino axit no, mạch hở, có một nhóm amino và một nhóm cacboxyl có dạng

- A.  $\text{C}_n\text{H}_{2n-3}\text{O}_6\text{N}_5$ .      B.  $\text{C}_n\text{H}_{2n-2}\text{O}_5\text{N}_4$ .      C.  $\text{C}_n\text{H}_{2n-6}\text{O}_6\text{N}_5$ .      D.  $\text{C}_n\text{H}_{2n-6}\text{O}_5\text{N}_4$ .

**Câu 12:** Peptit nào sau đây không có phản ứng màu biure?

- A.** Ala-Gly.                      **B.** Ala-Gly-Gly.                      **C.** Ala-Ala-Gly-Gly.                      **D.** Gly-Ala-Gly.

**Câu 13:** Chất nào dưới đây tạo phức màu tím với  $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ?

- A.** Gly-Val.                      **B.** Ala-Gly-Val.                      **C.** Glucozơ.                      **D.** metylamin.

**Câu 14:** Thủy phân hoàn toàn 1 mol peptit mạch hở X chỉ thu được 3 mol Gly và 2 mol Ala. Số liên kết peptit trong phân tử X là

- A.** 3.                      **B.** 1.                      **C.** 2.                      **D.** 4.

**Câu 15:** Khi nói về tetrapeptit X (Gly-Val-Gly-Val), kết luận nào sau đây đúng?

- A.** X có aminoaxit đầu N là valin và aminoaxit đầu C là glyxin.  
**B.** X có chứa 4 liên kết peptit.  
**C.** X tham gia phản ứng biure tạo ra dung dịch màu tím.  
**D.** Thủy phân không hoàn toàn X có thể thu được 3 loại dipeptit.

**Câu 16:** Peptit có X có công thức cấu tạo sau: Gly-Lys-Ala-Gly-Lys-Val. Thủy phân không hoàn toàn X có thể thu được tối đa bao nhiêu dipeptit?

- A.** 4.                      **B.** 5.                      **C.** 3.                      **D.** 6.

**Câu 17:** Thủy phân không hoàn toàn tetrapeptit (X), ngoài các  $\alpha$ -amino axit còn thu được các dipeptit: Gly-Ala; Phe-Val; Ala-Phe. Cấu tạo nào sau đây là đúng của X?

- A.** Val-Phe-Gly-Ala.                      **B.** Ala-Val-Phe-Gly.  
**C.** Gly-Ala-Val-Phe.                      **D.** Gly-Ala-Phe-Val.

**Câu 18:** Thủy phân hoàn toàn 1 mol pentapeptit mạch hở X thu được 3 mol Gly, 1 mol Ala, 1 mol Val. Mặt khác thủy phân không hoàn toàn X thì thu được hỗn hợp các sản phẩm là: Ala- Gly, Gly-Ala, Gly-Gly-Val. Công thức cấu tạo của X là:

- A.** Gly –Ala- Gly- Gly- Val.                      **B.** Ala- Gly-Gly-Val-Gly.  
**C.** Gly-Gly- Val- Gly-Ala.                      **D.** Gly- Gly-Ala-Gly-Val.

**Câu 19:** Thủy phân hoàn toàn 1 mol pentapeptit X, thu được 2 mol glyxin (Gly), 1 mol alanin (Ala), 1 mol valin (Val) và 1 mol phenylalanin (Phe). Thủy phân không hoàn toàn X thu được dipeptit Val-Phe và tripeptit Gly-Ala-Val nhưng không thu được dipeptit Gly-Gly. Chất X có công thức là:

- A.** Gly-Phe-Gly-Ala-Val.                      **B.** Gly-Ala-Val-Val-Phe.  
**C.** Gly-Ala-Val-Phe-Gly.                      **D.** Val-Phe-Gly-Ala-Gly.

**Câu 20:** Đun nóng chất  $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{CONH}-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{CONH}-\text{CH}_2-\text{COOH}$  trong dung dịch  $\text{HCl}$  (dư), sau khi các phản ứng kết thúc thu được sản phẩm là:

- A.  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$ ,  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ .
- B.**  $\text{H}_3\text{N}^+\text{CH}_2\text{COOHCl}^-$ ,  $\text{H}_3\text{N}^+\text{CH}(\text{CH}_3)\text{COOHCl}^-$ .
- C.  $\text{H}_3\text{N}^+\text{CH}_2\text{COOHCl}^-$ ,  $\text{H}_3\text{N}^+\text{CH}_2\text{CH}_2\text{COOHCl}^-$ .
- D.  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$ ,  $\text{H}_2\text{NCH}(\text{CH}_3)\text{COOH}$ .

**Câu 21:** Một pentapeptit khi bị thủy phân tạo ra hỗn hợp X chứa: 4 dipeptit, 3 axit amin, 2 tetrapeptit, 3 tripeptit và pentapeptit dư. Khi X tham gia phản ứng màu biure thì số chất tham gia phản ứng là

- A. 7.
- B. 5.
- C. 6.
- D.** 4.

**Câu 22:** Protein trong lòng trắng trứng có chứa nguyên tố

- A. lưu huỳnh.
- B. silic.
- C. sắt.
- D.** brom.

**Câu 23:** Trong hemoglobin của máu có nguyên tố:

- A. đồng.
- B.** sắt.
- C. kẽm.
- D. chì.

**Câu 24:** Câu nào sau đây không đúng?

- A. Khi nhỏ axit  $\text{HNO}_3$  đặc vào lòng trắng trứng thấy xuất hiện màu vàng.
- B. Phân tử các protein gồm các mạch dài polipeptit tạo nên.
- C.** Protein rất ít tan trong nước và dễ tan khi đun nóng.
- D. Khi cho  $\text{Cu}(\text{OH})_2$  vào lòng trắng trứng thấy xuất hiện màu tím xanh.

**Câu 25:** Cho 3 chất X, Y, Z vào 3 ống nghiệm chứa sẵn  $\text{Cu}(\text{OH})_2$  trong  $\text{NaOH}$  lắc đều và quan sát thì thấy: Chất X thấy xuất hiện màu tím, chất Y thì  $\text{Cu}(\text{OH})_2$  tan và có màu xanh nhạt, chất Z thì  $\text{Cu}(\text{OH})_2$  tan và có màu xanh thẫm. X, Y, Z lần lượt là

- A. Hồ tinh bột,  $\text{HCOOH}$ , mantozơ.
- B. Protein,  $\text{CH}_3\text{CHO}$ , saccarozơ.
- C. Anbumin,  $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$ , glyxin.
- D.** Lòng trắng trứng,  $\text{CH}_3\text{COOH}$ , glucozơ.

TAILIEUONTHI.NET

**BÀI TẬP TỰ LUYỆN – HỌC SINH CHĂM CHỈ TỰ LÀM!**

(Trong quá trình làm, nếu có thắc mắc, em hãy đăng lên group HỎI ĐÁP nhé)

**Câu 1:** Một trong những điểm khác nhau của protein so với lipid và glucosơ là:

- A. protein luôn chứa nitơ. B. protein luôn chứa nhóm chức hydroxyl (-OH).  
C. protein luôn chứa oxi. D. protein luôn không tan trong nước.

**Câu 2:** Cho các chất sau:

- (1)  $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2\text{CO}-\text{NH}-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{COOH}$  (2)  $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2\text{CO}-\text{NH}-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{COOH}$   
(3)  $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}(\text{CH}_3)\text{CO}-\text{NH}-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{COOH}$  (4)  $\text{H}_2\text{N}-(\text{CH}_2)_4-\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$   
(5)  $\text{NH}_2-\text{CO}-\text{NH}_2$  (6)  $\text{CH}_3-\text{NH}-\text{CO}-\text{CH}_3$   
(7)  $\text{HOOC}-\text{CH}_2-\text{NH}-\text{CO}-\text{CH}_2-\text{NH}-\text{CO}-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{NH}_2$

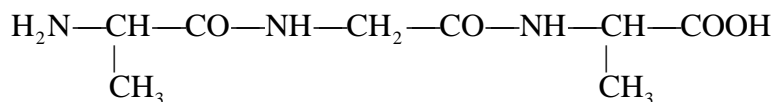
Trong các chất trên, số peptit là:

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 3:** Peptit:  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CONHCH}(\text{CH}_3)\text{CONHCH}_2\text{COOH}$  có tên là

- A. Glyxinalaninyglyxin. B. Glyxylalanylglyxin. C. Alaninyglyxinalanin. D. Alanylglyxylalanin.

**Câu 4:** Tên gọi cho peptit



- A. alanylglyxylalanyl. B. glixinalaninyglyxin. C. glixylalanylglyxin. D. alanylglixylalanin.

**Câu 5:** Tên gọi của peptit:  $\text{HOOC}-\text{CH}_2-\text{NH}-\text{CO}-\text{CH}(\text{CH}_3)\text{NH}_2$  là:

- A. Val-Ala. B. Ala-Val. C. Ala-Gly. D. Gly-Ala.

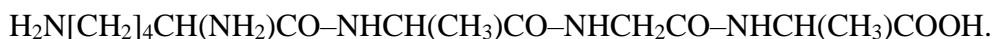
**Câu 6:** Đipeptit X có công thức:  $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{CONHCH}(\text{CH}_3)\text{COOH}$ . Tên gọi của X là:

- A. Gly-Ala. B. Ala-Gly. C. Ala-Val. D. Gly-Val.

**Câu 7:** Peptit X có CTCT là:  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CONH}-\text{CH}(\text{CH}_3)\text{CONH}-\text{CH}(\text{COOH})\text{CH}_2\text{CH}_2\text{CH}_2\text{CH}_2\text{NH}_2$ . Tên gọi của X là:

- A. Ala- Gly-Lys. B. Gly-Ala-Val. C. Gly-Ala-Lys. D. Gly-Ala-Glu.

**Câu 8:** Cho peptit X có công thức cấu tạo:



Tên gọi của X là

- A. Glu-Ala-Gly-Ala. B. Ala-Gly-Ala-Lys. C. Lys-Gly-Ala-Gly. D. Lys-Ala-Gly-Ala.

**Câu 9:** Số liên kết peptit trong phân tử Ala-Gly-Ala-Gly là

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 10:** Trong phân tử Gly-Ala, amino axit đầu C chứa nhóm

- A.  $\text{NO}_2$ . B.  $\text{COOH}$ . C.  $\text{NH}_2$ . D.  $\text{CHO}$ .

**Câu 11:** Chất nào sau đây là tripeptit?

- A. Ala-Ala-Gly. B. Gly-Ala. C. Gly-Gly. D. Ala-Gly.

**Câu 12:** Chất nào sau đây là dipeptit?

- A. Gly-Ala-Gly.      B. Ala-Gly-Gly.      C. Gly-Ala-Ala.      D. Gly-Ala.

**Câu 13:** Có bao nhiêu tripeptit (mạch hở) khi thủy phân hoàn toàn đều thu được sản phẩm gồm alanin và glyxin?

- A. 5.      B. 7.      C. 6.      D. 8.

**Câu 14:** Nếu phân tử peptit chứa  $n$  gốc  $\alpha$ -amino axit khác nhau (đều chỉ có 1 nhóm  $-NH_2$  và 1 nhóm  $-COOH$ ) thì số đồng phân loại peptit là

- A.  $n!$ .      B.  $n^2$ .      C.  $n!/2$ .      D.  $n$ .

**Câu 15:** Peptit X mạch hở có công thức phân tử là  $C_7H_{13}O_4N_3$ . Số đồng phân cấu tạo của X là

- A. 4.      B. 3.      C. 1.      D. 2.

**Câu 16:** Tripeptit E mạch hở, được tạo thành từ các  $\alpha$ -amino axit no, mạch hở, phân tử đều chứa một nhóm amino và một nhóm cacboxyl. Công thức phân tử của E có dạng là

- A.  $C_nH_{2n}O_4N_3$ .      B.  $C_nH_{2n-1}O_4N_3$ .      C.  $C_nH_{2n-2}O_4N_3$ .      D.  $C_nH_{2n-3}O_4N_3$ .

**Câu 17:** Dipeptit T mạch hở, được tạo thành từ các  $\alpha$ -amino axit no, mạch hở, phân tử đều chứa một nhóm amino và một nhóm cacboxyl. Công thức phân tử của T có dạng là

- A.  $C_nH_{2n+1}O_3N_2$ .      B.  $C_nH_{2n}O_3N_2$ .      C.  $C_nH_{2n+2}O_3N_2$ .      D.  $C_nH_{2n-1}O_3N_2$ .

**Câu 18:** Tetrapeptit E mạch hở, được tạo thành từ các  $\alpha$ -amino axit no, mạch hở, phân tử đều chứa một nhóm amino và một nhóm cacboxyl. Công thức phân tử của E có dạng là

- A.  $C_nH_{2n}O_5N_4$ .      B.  $C_nH_{2n-1}O_5N_4$ .      C.  $C_nH_{2n-2}O_5N_4$ .      D.  $C_nH_{2n-3}O_5N_4$ .

**Câu 19:** Pentapeptit T mạch hở, được tạo thành từ các  $\alpha$ -amino axit no, mạch hở, phân tử đều chứa một nhóm amino và một nhóm cacboxyl. Công thức phân tử của T có dạng là

- A.  $C_nH_{2n-3}O_6N_5$ .      B.  $C_nH_{2n-4}O_6N_5$ .      C.  $C_nH_{2n-2}O_6N_5$ .      D.  $C_nH_{2n-1}O_6N_5$ .

**Câu 20:** Một dipeptit có khối lượng mol bằng 146. Dipeptit đó là:

- A. Ala-Ala.      B. Gly-Ala.      C. Gly-Val.      D. Gly-Gly.

**Câu 21:** Cho một peptit X được tạo nên bởi  $n$  gốc alanin có khối lượng phân tử là 302 đvC. Peptit X thuộc loại

- A. pentapeptit.      B. đipeptit.      C. tetrapeptit.      D. tripeptit.

**Câu 22:** Peptit X do các gốc glyxyl và alanyl tạo nên có khối lượng phân tử là 345. X là

- A. tripeptit.      B. tetrapeptit.      C. pentapeptit.      D. hexapeptit.

**Câu 23:** Peptit X chỉ do các gốc alanyl tạo nên có khối lượng phân tử là 231. X là

- A. đipeptit.      B. tripeptit.      C. tetrapeptit.      D. pentapeptit.

**Câu 24:** Pentapeptit X mạch hở, được tạo nên từ một loại amino axit Y (trong Y chỉ chứa  $1NH_2$  và  $1COOH$ ). Phân tử khối của X là 513. Phân tử khối của Y là:

- A. 57.      B. 89.      C. 75.      D. 117.

**Câu 25:** Số dipeptit tối đa có thể tạo ra từ một hỗn hợp gồm alanin và valin là

- A. 1.      B. 4.      C. 3.      D. 2.

- Câu 26:** Số dipeptit tối đa thu được từ hỗn hợp 3 amino axit: glyxin, alanin và valin là  
**A.** 3. **B.** 6. **C.** 9. **D.** 8.
- Câu 27:** Cho các amino axit sau:  
 $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOH}$ ,  $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{COOH}$ ,  $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{COOH}$   
 Có tối đa bao nhiêu tetrapeptit được tạo ra từ các amino axit trên?  
**A.** 9. **B.** 16. **C.** 24. **D.** 81.
- Câu 28:** Peptit X có công thức cấu tạo sau: Ala-Gly-Glu-Lys-Ala-Gly-Lys. Thủy phân không hoàn toàn X thu được tối đa số dipeptit là  
**A.** 4. **B.** 3. **C.** 5. **D.** 6.
- Câu 29:** Thủy phân peptit Gly – Ala – Phe – Gly – Ala – Val thu được bao nhiêu dipeptit chứa Gly?  
**A.** 2. **B.** 4. **C.** 1. **D.** 3.
- Câu 30:** Nếu thủy phân không hoàn toàn pentapeptit Gly-Ala-Gly-Ala-Gly thì thu được tối đa bao nhiêu dipeptit khác nhau?  
**A.** 3. **B.** 2. **C.** 4. **D.** 1.
- Câu 31:** Số dipeptit tối đa có thể tạo ra từ một hỗn hợp gồm alanin và glyxin là  
**A.** 3. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 4.
- Câu 32:** Thủy phân không hoàn toàn pentapeptit X mạch hở, thu được hỗn hợp sản phẩm trong đó có Ala-Gly, Ala-Ala và Gly-Gly-Ala. Pentapeptit X là  
**A.** Ala-Ala-Ala-Gly-Gly. **B.** Gly-Gly-Ala-Gly-Ala.  
**C.** Ala-Gly-Gly-Ala-Ala-Ala. **D.** Ala-Gly-Gly-Ala-Ala.
- Câu 33:** Khi thủy phân không hoàn toàn pentapeptit Ala-Gly-Val-Gly-Ala được tối đa bao nhiêu tripeptit khác nhau?  
**A.** 2. **B.** 3. **C.** 1. **D.** 4.
- Câu 34:** Khi thủy phân hết pentapeptit X (Gly–Ala–Val–Ala–Gly) thì thu được tối đa bao nhiêu sản phẩm chứa gốc glixyl mà dung dịch của nó có phản ứng màu biure?  
**A.** 4. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 5.
- Câu 35:** Thủy phân hoàn toàn Ala-Ala-Gly-Gly trong môi trường NaOH dư, thu được sản phẩm là  
**A.**  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COONa}$ ,  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{COONa}$ . **B.**  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$ ,  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ .  
**C.**  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COONa}$ ,  $\text{H}_2\text{NCH}(\text{CH}_3)\text{COONa}$ . **D.**  $\text{ClH}_3\text{NCH}_2\text{COOH}$ ,  $\text{ClH}_3\text{NCH}(\text{CH}_3)\text{COOH}$ .
- Câu 36:** Thủy phân hoàn toàn Gly-Ala-Gly-Ala trong môi trường axit HCl dư, thu được các sản phẩm là  
**A.**  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$ ,  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ . **B.**  $\text{ClH}_3\text{NCH}_2\text{COOH}$ ,  $\text{ClH}_3\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ .  
**C.**  $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$ ,  $\text{H}_2\text{NCH}(\text{CH}_3)\text{COOH}$ . **D.**  $\text{ClH}_3\text{NCH}_2\text{COOH}$ ,  $\text{ClH}_3\text{NCH}(\text{CH}_3)\text{COOH}$ .
- Câu 37:** Khi nấu canh cua thì thấy các mảng “riêu cua” nổi lên là do  
**A.** phản ứng thủy phân của protein. **B.** phản ứng màu của protein.  
**C.** sự đông tụ của lipid. **D.** sự đông tụ của protein do nhiệt độ.



**Câu 38:** Thuốc thử được dùng để phân biệt Gly-Ala-Gly với Gly-Ala là:

- A. Dung dịch NaOH. B. Dung dịch NaCl.  
C.  $\text{Cu}(\text{OH})_2$  trong môi trường kiềm. D. Dung dịch HCl.

**Câu 39:** Tiến hành các thí nghiệm sau với dung dịch X chứa lòng trắng trứng:

Thí nghiệm 1: Đun sôi dung dịch X.

Thí nghiệm 2: Cho dung dịch HCl vào dung dịch X, đun nóng.

Thí nghiệm 3: Cho dung dịch  $\text{CuSO}_4$  vào dung dịch X, sau đó nhỏ vài giọt dung dịch NaOH vào.

Thí nghiệm 4: Cho dung dịch NaOH vào dung dịch X, đun nóng.

Thí nghiệm 5: Cho dung dịch  $\text{AgNO}_3$  trong  $\text{NH}_3$  vào dung dịch X, đun nóng.

Số thí nghiệm có xảy ra phản ứng hoá học là

- A. 3. B. 5. C. 2. D. 4.

**Câu 40:** Tiến hành thí nghiệm với các chất X, Y, Z, T. Kết quả được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	Thí nghiệm	Hiện tượng
X	Tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$	Hợp chất màu tím
Y	Quỳ tím ẩm	Quỳ đổi xanh
Z	Tác dụng với dung dịch $\text{Br}_2$	Dung dịch mất màu và có kết tủa trắng
T	Tác dụng với dung dịch $\text{Br}_2$	Dung dịch mất màu

Các chất X, Y, Z, T lần lượt là:

- A. Gly-Ala-Ala, metylamin, anilin, acrilonitrin. B. acrilonitrin, Gly-Ala-Ala, anilin, metylamin.  
C. metylamin, anilin, Gly-Ala-Ala, acrilonitrin. D. Aly-Ala-Ala, Metylamin, acrilonitrin, anilin.

**BẢNG ĐÁP ÁN LIVE CHUYÊN ĐỀ 27**

1.A	2.C	3.B	4.D	5.C	6.A	7.C	8.D	9.C	10.B
11.A	12.D	13.C	14.A	15.B	16.B	17.B	18.C	19.A	20.B
21. C	22.C	23.B	24.D	25.B	26.C	27.B	28.C	29.A	30.B
31.D	32.D	33.B	34.A	35.C	36.D	37.D	38.C	39.A	40.A